

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2017/HSST

Ngày: 28/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đèo Văn Vĩnh.

2. Ông: Lò Văn Chiên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông: Thiều Quang Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông: Đồng Xuân Tím- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2017/HSST, ngày 29 tháng 8 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2017/HSST ngày 18 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lý Văn T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16/02/1995; tại xã B, huyện P, tỉnh L.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Bản T, xã B, huyện P, tỉnh L.

Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông Lý Phủ L và bà Chang Xa T, gia đình có 03 anh, chị, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Bị cáo có vợ là Phan Thị Đ, sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/7/2017 đến ngày 07/7/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam, tạm giữ tại Công an huyện Phong Thổ. Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Anh: Lý Văn B, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh: Chèo Cao H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản C, xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Những người làm chứng:

1/ Anh: Vàng Văn D, sinh năm 1978.

Trú tại: Bản N, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không có lý do).

2/ Anh Tần Diệu Đ, sinh năm 1995.

Trú tại: Trú tại: Bản C, xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 07/6/2017, Lý Văn T đi bộ một mình từ bản Nà Cúng, xã Bản Lang về nhà T ở bản T, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai châu. Trên đường về T đi qua nhà anh Lý Văn B, trú cùng bản thì phát hiện thấy trước hiên nhà của anh B có một chiếc xe máy, T nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu sài. Quan sát xung quanh không có người, các nhà và nhà anh B đều tắt điện đi ngủ. Lý Văn T tiến lại gần xe, quan sát thấy xe không khóa cổ nên T dắt xe đi ra ngoài đường rồi ngồi lên để xe chạy trôi về hướng trung tâm xã Bản Lang. Đi được khoảng 40 m T dừng xe để rút dây điện ở cổ xe để đầu nổ thì thấy dây đã được đầu nổ từ trước, mở cốp xe thấy khóa cốp có đặt một tờ bìa để chặn khóa và mở cốp xe. T đề và nổ xe đi về hướng Mường So. Trên đường đi đến khu vực bản Phai Cát, xã Không Lào, T dừng xe bên đường rồi dùng cành cây cạy biển số xe vớt ở ven đường. T tiếp tục điều khiển xe đi đến khu vực cửa khẩu Ma Lù Thàng để tìm nơi tiêu thụ nhưng không tiêu thụ được. Khoảng 07 giờ thì Lý Văn T đi đến bản Chang Hoảng II, xã Huổi Luông thì gặp Chèo Cao H, T nói với H do cần tiền gấp nên muốn cầm cố xe máy của T (không nói xe máy do trộm cắp). H đồng ý nhận cầm cố xe máy cho T, nhưng do H không có tiền mặt nên H đi vào trong bản mượn tiền. Quá trình đi mượn tiền H có gọi cho Tần Diệu Đ, người cùng bản xuống xem hộ xe máy, sau đó H và T thỏa thuận 1.700.000 đồng, trừ 200.000 đồng tiền lãi. Nhận được 1.500.000 đồng T thuê người chở về xã Mường So, rồi đi nhờ xe về Bản Lang. Khoảng 04 đến 05 ngày sau khi tiêu hết tiền T nhờ Vàng Văn D ở bản N, xã B chở T đến nhà Chèo Cao H lấy thêm số tiền 1.100.000 đồng (tính lãi là 1.300.000 đồng). Nhận được tiền T trả công cho D 100.000 đồng. Ngày 05/7/2017, sau khi nhận được đơn trình báo của anh Lý Văn B về việc mất xe và còn chỉ rõ đối tượng lấy xe là Lý Văn T. Cơ quan điều tra đã triệu tập Lý Văn T đến làm việc và T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy nhà anh Lý Văn B.

Chiếc xe máy bị cáo Lý Văn T chiếm đoạt là loại xe máy YAMAHA, nhãn hiệu Sirius, màu sơn đỏ, đen, BKS 25 B1- 30308, số khung CC6JOGY193671, số

máy 5C6J193673, có trị giá là 16.942.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe máy cho anh Lý Văn B ngày 26/7/2017.

Quá trình điều tra, truy tố tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là hoàn toàn đúng.

Bản cáo trạng số: 50/KSĐT – SH, ngày 28/8/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Lý Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội, căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa khẳng định quyết định truy tố là đúng cần giữ nguyên quyết định truy và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù; không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo với người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời đề nghị giải quyết vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu truy tố và đề nghị kết tội trộm cắp tài sản, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác đều đề nghị xét xử vắng mặt. Xét việc những người này vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 192 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Bản kết luận định giá tài sản (bút lục số 39); Lời khai của người bị hại (bút lục số 79 đến 83); Lời khai

của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bút lục từ số 87 đến 91); Lời khai của những người làm chứng (Vàng Văn D bút lục số 98 đến 100, Tẩn Diếu Đ bút lục số 113,114); Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ được thu thập khách quan đúng pháp luật đủ cơ sở kết luận: Hồi 01 giờ ngày 07/6/2017, tại gia đình nhà anh Lý Văn B, sinh năm 1972, ở bản T, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai châu, lợi dụng đêm tối, mọi người đã đi ngủ, xe máy để ở ngoài, nhà không có cổng khóa, Lý Văn T đã dắt chiếc xe máy YAMAHA, nhãn hiệu Sirius, màu sơn đỏ, đen, BKS 25 B1 – 30308, số khung CC6JOGY193671, số máy 5C6J193673, trị giá là 16.942.000đ (*Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cho bản thân.

Hành vi lợi dụng điều kiện, hoàn cảnh để chiếm đoạt được chiếc xe máy trên của bị cáo chính là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, là hành vi trộm cắp tài sản đã hoàn thành. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Như vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, cụ thể Điều luật quy định “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Bị cáo được học đến lớp 12 nên mặc dù người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội khó khăn nhưng không được áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Với hai tình tiết giảm nhẹ trên có thể cho bị cáo hưởng mức án thấp dưới khung nhưng căn cứ ý thức của bị cáo là một người được học hành đầy đủ mà lười lao động ham chơi cố ý phạm tội; mặt khác tính chất nguy hiểm của loại tội phạm này gây bất bình trong nhân dân nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 còn quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ một năm đến năm năm*”. Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình bị

cáo khó khăn hai con còn nhỏ, làm ruộng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.800.000đ gồm tiền sửa chữa xe lâu ngày không đi bị hỏng và tiền công đi tìm xe, tiền làm biển số xe bị mất. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 2.600.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đã nhất trí toàn bộ các yêu cầu trên của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét việc thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội vậy Hội đồng xét xử ghi nhận theo Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xử lý vật chứng: Chiếc xe máy đã trả lại cho người bị hại là phù hợp nên hội đồng xét xử không xem xét, đối với số tiền do hành vi phạm tội mà có nhưng bị cáo đã tiêu sài hết cho bản thân, hơn nữa bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nay xét kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên miễn truy thu số tiền này.

Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn án phí giá ngạch cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo **Lý Văn T** phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

2/ Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo **18 (mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 05/7/2017.

3/ Áp dụng Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận việc:

Bị cáo phải bồi thường cho anh Lý Văn B (sinh năm 1972, trú tại: Bản T, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu) số tiền là 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Bị cáo phải trả cho anh Chèo Cao H (sinh năm 1988, trú tại: bản C, xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu) số tiền 2.600.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*).

4/ Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo Lý Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- CA huyện Phong Thổ(Nhà tạm giữ, đội điều tra);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- THADS huyện phong Thổ;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu
- Lưu: THA-HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hà